

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
**ĐƠN VỊ: KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 1, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	Ngữ pháp nâng cao		
Mã học phần:	71MAW640223	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	231_71MAW640223_01		
Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>70</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
  - + Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1
  - + Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1\_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO2	Vận dụng thuần thục lý thuyết ngữ pháp tiếng Hán hiện đại để phát hiện mối quan hệ về ngữ nghĩa trong câu ghép.	Trắc nghiệm	20%	Câu 1- 10	2	
CLO3	Sử dụng chính xác các loại bỏ ngữ vào việc soạn thảo văn bản tiếng Trung.	Tự luận	30%	Câu 1	2	
CLO4	Hệ thống hóa các cấu trúc ngữ pháp tiếng Trung ở trình độ trung cấp áp dụng vào việc soạn thảo văn bản tiếng Trung.	Tự luận	30%	Câu 2, Câu 3	4	
CLO5	Thể hiện ý thức học tập, không ngừng trau dồi kiến thức ngữ pháp tiếng Trung	Trắc nghiệm	20%	Câu 11-20	2	

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

### III. Nội dung câu hỏi thi

Ví dụ:

#### PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu, 0.2 điểm/câu)

他\_\_\_\_\_知道, \_\_\_\_\_还知道得很清楚。

- A. 不但……而且……
- B. 只要……才能……
- C. 如果……就……
- D. 无论……也……

ANSWER: A

这里的交通很方便, 人\_\_\_\_\_很热情

- A. 也
- B. 不
- C. 没
- D. 都

ANSWER: A

这件事\_\_\_\_\_我不帮你, \_\_\_\_\_我没有能力帮你。

- A. 不是……而是……
- B. 不但……反而……
- C. 是……不过……
- D. 是……但是……

ANSWER: A

我们大家围坐在火堆旁, \_\_\_\_\_烤肉吃, \_\_\_\_\_聊天。

- A. 一边……一边……
- B. 边……边……
- C. 即……又……
- D. 也……也……

ANSWER: A

\_\_\_\_\_你去, \_\_\_\_\_我去, 咱们不能再拖了。

- A. 或者……或者……
- B. 如果……就……
- C. 因为……所以……
- D. 要是……就……

ANSWER: A

\_\_\_\_\_在这里闲聊, \_\_\_\_\_到外面走走

- A. 与其……不如……
- B. 如果……就……
- C. 不能……只能……

D. 不但……反而……

ANSWER: A

\_\_\_\_\_生活上有什么困难的话, \_\_\_\_\_跟我说一声。

A. 要是……就……

B. 要么……要么……

C. 不仅……还……

D. 不但……还……

ANSWER: A

\_\_\_\_\_爸爸怎么说, 他\_\_\_\_\_不听。

A. 不管……也……

B. 不管……还……

C. 不管……又……

D. 不论……又……

ANSWER: A

你放心, \_\_\_\_\_一有消息, 我\_\_\_\_\_会立刻通知你。

A. 只要……就……

B. 只有……就……

C. 如果……就……

D. 要是……就……

ANSWER: A

我\_\_\_\_\_把这件事告诉你, \_\_\_\_\_相信你。

A. 之所以……是因为……

B. 因为……所以

C. 既然……就……

D. 虽然……但是……

ANSWER: A

下了一阵大雨, 天气\_\_\_\_\_没有凉下来, \_\_\_\_\_更加闷热了。

A. 不但……反而……

B. 不但……而且……

C. 哪怕……也……

D. 就是……也……

ANSWER: A

今天我没有时间了, 这项计划\_\_\_\_\_再研究。

A. 以后

B. 然后

C. 后来

D. 以来

ANSWER: A

他高兴\_\_\_\_\_欢呼起来：“我们赢了，我们赢了”

- A. 地
- B. 的
- C. 得
- D. 了

ANSWER: A

这些东西你先放到桌子\_\_\_\_\_。

- A. 那儿
- B. 哪儿
- C. 东边儿
- D. 西边儿

ANSWER: A

\_\_\_\_\_的事情不能再发生了。

- A. 这样
- B. 这些
- C. 这个
- D. 这么

ANSWER: A

关于这些问题，你们看看情况，\_\_\_\_\_方便就\_\_\_\_\_处理吧。

- A. 怎么……怎么……
- B. 什么……什么……
- C. 多少……多少……
- D. 怎么……怎样……

ANSWER: A

这套房子以前\_\_\_\_\_他的。

- A. 是
- B. 有
- C. 在
- D. 从

ANSWER: A

我只是一个小镇\_\_\_\_\_，他才是大老板呢！

- A. 员
- B. 子
- C. 头
- D. 儿

ANSWER: A

门\_\_\_\_\_停着两辆汽车，挡住了咱们家的门口。

- A. 前
- B. 后
- C. 旁
- D. 中

ANSWER: A

\_\_\_\_\_入冬以来，他感冒连续不断。

- A. 自从
- B. 从来
- C. 自
- D. 从

ANSWER: A

### PHẦN TỰ LUẬN (3 câu, 2 điểm/câu)

#### (一) 根据所给的提示词改写句子 (2 điểm 0.5 điểm/câu)

1. 张经理给他安排一项重大的任务，要求他完成好这项任务。

(“把”字句 Câu chữ 把)

---

2. 下周就要考试了，我复习，忘了吃饭的时间。

(状态补语 Bổ ngữ trạng thái)

---

3. 这个教室太小了，最多只能坐一百个人。

(一百五十人、坐不下)

---

4. 他吃饭了，现在准备上课。

(结果补语 Bổ ngữ kết quả)

---

**(二) 用括号中的词语把句子写成含有多项定语/状语的句子 (2 điểm 0.5 điểm/câu)**

1. 他是老师 (汉语、最受学生喜爱、我们学校)

---

2. 他们走过去 (从我身边、慢慢)

---

3. 我们见过公司经理了。 (已经、刚才)

---

4. 这是画儿。 (我、从台湾买回来、水墨<sup>shuǐmò</sup>、去年)

---

**(三) 根据所给的句子造句 (2 điểm 0.5 điểm/câu)**

1. \_\_\_\_\_。 (昨天、练汉字、一个小时)

2. \_\_\_\_\_。 (把、的、复习)

3. \_\_\_\_\_。 (不是……就是、周末)

4. \_\_\_\_\_。 (无论……, 也、完成)

## ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>4.0</b>	
Câu 1 – 10	1. 不但.....而且..... 2. 也 3. 不是.....而是..... 4. 一边.....一边..... 5. 或者.....或者..... 6. 与其.....不如..... 7. 要是.....就..... 8. 不管.....也..... 9. 只要.....就..... 10.之所以.....是因为.....	0.2 điểm/ câu	
Câu 11 – 20	11.不但.....反而..... 12.以后 13.地 14.那儿 15.这样 16.怎么.....怎么..... 17.是 18.员 19.前 20.自从	0.2 điểm/ câu	
.....		.....	
<b>II. Tự luận</b>		<b>6.0</b>	
<b>Phần 1</b>		2.0	GV căn cứ vào đáp án của SV chấm điểm.
<b>1</b>	张经理把重大的任务安排给他, 要求要完成好这项任务。	0.5	
<b>2</b>	下周就要考试了, 我复习得忘了吃饭的时间。	0.5	



3	这个教室太小，坐不下一百五十人	0.5	Thiếu 1 từ gợi ý - 0.1 điểm
4	他吃完了饭就准备上课。	0.5	Sai ngữ pháp – 0.2 điểm
<b>Phần 2</b>			
1	他是我们学校最受学生欢迎的汉语老师。	0.5	GV căn cứ vào đáp án của SV
2	他们慢慢地从我身边走过去。	0.5	chấm điểm.
3	我们刚才已经见过公司经理了。	0.5	
4	这是我去年从台湾买回来的水墨画儿。	0.5	Thiếu 1 từ gợi ý - 0.1 điểm
<b>Phần 3</b>			
1	我昨天练了一个小时的汉字。	0.5	Sai ngữ pháp – 0.2 điểm
2	我要把已经学过的生词复习一下。	0.5	
3	周末的时候他不是跟朋友出去聚聚，就是跟同事喝喝酒。	0.5	GV căn cứ vào đáp án của SV
4	无论有多难，我也要完成这个作业。	0.5	chấm điểm.
	<b>Điểm tổng</b>	<b>10.0</b>	Thiếu 1 từ gợi ý - 0.1 điểm
			Sai ngữ pháp – 0.2 điểm

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2023

Giảng viên ra đề



Phạm Đình Tiến